

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ TÀI CHÍNH VNFITE**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ TÀI CHÍNH VNFITE

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: VNFITE FINANCIAL TECHNOLOGY JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: VNFITE

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0109423042

**3. Ngày thành lập:** 23/11/2020

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Tầng 7 Up Coworking Space, số 1 Lương Yên, Phường Bạch Đằng, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 024.3367.6699

Fax:

Email: [vnfite.vn@gmail.com](mailto:vnfite.vn@gmail.com)

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                         | Mã ngành |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | Hoạt động viễn thông khác<br>Chi tiết:<br>- Đại lý dịch vụ viễn thông ;<br>- Dịch vụ viễn thông giá trị gia tăng ;<br>- Cung cấp dịch vụ nội dung thông tin trên mạng viễn thông di động;                         | 6190     |
| 2.  | Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính<br>Chi tiết:<br>Hoạt động thương mại điện tử;<br>Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính. | 6209     |
| 3.  | Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa<br>Chi tiết: Đại lý, môi giới hàng hóa                                                                                                                                         | 4610     |
| 4.  | Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet<br>(Trừ hoạt động đấu giá)                                                                                                                                | 4791     |
| 5.  | Xuất bản phần mềm<br>(Trừ xuất bản phẩm)                                                                                                                                                                          | 5820     |
| 6.  | Lập trình máy vi tính                                                                                                                                                                                             | 6201     |
| 7.  | Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính                                                                                                                                                               | 6202     |
| 8.  | Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan<br>(Không bao gồm thiết lập mạng và kinh doanh hạ tầng bưu chính viễn thông)                                                                                   | 6311     |
| 9.  | Cổng thông tin<br>(Trừ hoạt động báo chí)                                                                                                                                                                         | 6312     |

|     |                                                                                                                                                                                                                                             |             |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 10. | Dịch vụ thông tin khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết:<br>- Các dịch vụ thông tin qua điện thoại;<br>- Các dịch vụ tìm kiếm thông tin thông qua hợp đồng hay trên cơ sở phí; (trừ các loại thông tin Nhà nước cấm và dịch vụ điều tra). | 6399        |
| 11. | Hoạt động cấp tín dụng khác<br>Chi tiết: Dịch vụ cầm đồ                                                                                                                                                                                     | 6492        |
| 12. | Hoạt động dịch vụ tài chính khác chưa được phân vào đâu (trừ bảo hiểm và bảo hiểm xã hội)<br>Chi tiết: Dịch vụ trung gian thanh toán                                                                                                        | 6499        |
| 13. | Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Hoạt động tư vấn đầu tư<br>(Không bao gồm tư vấn pháp luật, tài chính, thuế, kiểm toán, kế toán, chứng khoán)                                                        | 6619(Chính) |
| 14. | Hoạt động của đại lý và môi giới bảo hiểm<br>Chi tiết: Hoạt động của đại lý bảo hiểm                                                                                                                                                        | 6622        |
| 15. | Hoạt động tư vấn quản lý<br>(Không bao gồm tư vấn pháp luật, tài chính, thuế, kiểm toán, kế toán, chứng khoán)                                                                                                                              | 7020        |
| 16. | Quảng cáo                                                                                                                                                                                                                                   | 7310        |
| 17. | Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận                                                                                                                                                                                                    | 7320        |
| 18. | Hoạt động thiết kế chuyên dụng                                                                                                                                                                                                              | 7410        |
| 19. | Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Dịch vụ chuyển giao công nghệ (trừ thẩm định giá công nghệ)                                                                                            | 7490        |
| 20. | Hoạt động của các trung tâm, đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm<br>Chi tiết: Hoạt động của các đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm (không bao gồm hoạt động của Trung tâm dịch vụ việc làm)      | 7810        |
| 21. | Cung ứng và quản lý nguồn lao động                                                                                                                                                                                                          | 7830        |
| 22. | Dịch vụ hỗ trợ tổng hợp                                                                                                                                                                                                                     | 8110        |
| 23. | Dịch vụ hành chính văn phòng tổng hợp                                                                                                                                                                                                       | 8211        |
| 24. | Photo, chuẩn bị tài liệu và các hoạt động hỗ trợ văn phòng đặc biệt khác                                                                                                                                                                    | 8219        |
| 25. | Hoạt động dịch vụ liên quan đến các cuộc gọi                                                                                                                                                                                                | 8220        |
| 26. | Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại<br>(trừ hợp báo)                                                                                                                                                                                  | 8230        |
| 27. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ thanh toán, tín dụng<br>(trừ hoạt động thu hồi những khoản bồi thường và chuyển tiền thu hồi cho khách hàng, như dịch vụ thu hồi hối phiếu hoặc nợ)                                                                | 8291        |

|     |                                                                                                                                     |      |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 28. | Dịch vụ hỗ trợ giáo dục                                                                                                             | 8560 |
| 29. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đầu<br>Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh | 8299 |

**6. Vốn điều lệ:** 50.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

**7. Số cổ phần được quyền chào bán:** 5.000.000

**8. Cổ đông sáng lập:**

| STT | Tên cổ đông    | Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức            | Loại cổ phần              | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập | Ghi chú |
|-----|----------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------|------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | TRẦN QUỐC HƯNG | 3103- CT6B THCC và Thương mại Bemes, Phường Kiến Hưng, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | Cổ phần phổ thông         | 500.000    | 5.000.000.000         | 10,000    | 025091000345                                                                                |         |
|     |                |                                                                                                 | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                |                                                                                                 | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                |                                                                                                 | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                |                                                                                                 | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                |                                                                                                 | Tổng số                   | 500.000    | 5.000.000.000         | 10,000    |                                                                                             |         |

|   |               |                                                                                                                       |                           |           |                |        |              |
|---|---------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------|-----------|----------------|--------|--------------|
| 2 | MAI NGỌC ĐOÀN | Phòng 1105B, Tầng 11, Tòa Nhà B, Chung Cư 102 Thái Thịnh, Phường Trung Liệt, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | Cổ phần phổ thông         | 2.500.000 | 25.000.000.000 | 50,000 | 031082000727 |
|   |               |                                                                                                                       | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0         | 0              | 0,000  |              |
|   |               |                                                                                                                       | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0         | 0              | 0,000  |              |
|   |               |                                                                                                                       | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0         | 0              | 0,000  |              |
|   |               |                                                                                                                       | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0         | 0              | 0,000  |              |
|   |               |                                                                                                                       | Tổng số                   | 2.500.000 | 25.000.000.000 | 50,000 |              |
|   |               |                                                                                                                       |                           |           |                |        |              |
| 3 | ĐỖ QUỐC HUY   | Số 43 Hàng Bè, Phường Hàng Bạc, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam                                            | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0         | 0              | 0,000  | 001092003127 |
|   |               |                                                                                                                       | Cổ phần phổ thông         | 500.000   | 5.000.000.000  | 10,000 |              |
|   |               |                                                                                                                       | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0         | 0              | 0,000  |              |
|   |               |                                                                                                                       | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0         | 0              | 0,000  |              |
|   |               |                                                                                                                       | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0         | 0              | 0,000  |              |
|   |               |                                                                                                                       | Tổng số                   | 500.000   | 5.000.000.000  | 10,000 |              |
|   |               |                                                                                                                       |                           |           |                |        |              |
| 4 | ĐOÀN VĂN VIỆT | Thôn Tựu Liệt, Xã Tam Hiệp, Huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội, Việt Nam                                               | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0         | 0              | 0,000  | 036086001440 |
|   |               |                                                                                                                       | Cổ phần phổ thông         | 750.000   | 7.500.000.000  | 15,000 |              |
|   |               |                                                                                                                       | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0         | 0              | 0,000  |              |
|   |               |                                                                                                                       | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0         | 0              | 0,000  |              |
|   |               |                                                                                                                       | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0         | 0              | 0,000  |              |
|   |               |                                                                                                                       | Tổng số                   | 750.000   | 7.500.000.000  | 15,000 |              |
|   |               |                                                                                                                       |                           |           |                |        |              |

|   |                 |                                                                         |                           |         |               |        |              |
|---|-----------------|-------------------------------------------------------------------------|---------------------------|---------|---------------|--------|--------------|
| 5 | TRỊNH MINH THỦY | Thôn Thịnh Thôn, Xã Cam Thượng, Huyện Ba Vì, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | Cổ phần phổ thông         | 750.000 | 7.500.000.000 | 15,000 | 001086005564 |
|   |                 |                                                                         | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0       | 0             | 0,000  |              |
|   |                 |                                                                         | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0       | 0             | 0,000  |              |
|   |                 |                                                                         | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0       | 0             | 0,000  |              |
|   |                 |                                                                         | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0       | 0             | 0,000  |              |
|   |                 |                                                                         | Tổng số                   | 750.000 | 7.500.000.000 | 15,000 |              |

### 9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

| STT | Tên cổ đông | Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có) | Tỷ lệ (%) | Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức | Ghi chú |
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|

### 10. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: ĐOÀN VĂN VIỆT

Giới tính: Nam

Chức danh: Tổng giám đốc

Sinh ngày: 16/08/1986

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 036086001440

Ngày cấp: 04/02/2016

Nơi cấp: Cục Cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn Tựu Liệt, Xã Tam Hiệp, Huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Thôn Tựu Liệt, Xã Tam Hiệp, Huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội